

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **605** /MĐC-ĐBCL
V/v thực hiện cung cấp thông tin
công tác bảo đảm và KĐCLGD

Hà Nội, ngày **03** tháng **11** năm **2020**

Kính gửi: Cục Quản lý chất lượng

Thực hiện Công văn số 1482/QLCL-KĐCLGD ngày 17/9/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc cung cấp thông tin về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD), Trường Đại học Mỏ - Địa chất báo cáo việc thực hiện như sau :

Đơn vị đã cử ông Phạm Văn Tuấn, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện việc cung cấp thông tin theo đường link tại Công văn số 1482/QLCL-KĐCLGD vào hồi **17 giờ 14 phút, ngày 03 tháng 11 năm 2020** từ tài khoản gmail tuan.v.pham@gmail.com .

Các thông tin, số liệu của Đơn vị cung cấp đã được cập nhật đến thời điểm hiện tại, bảo đảm đầy đủ và chính xác.

Nếu cần trao đổi thêm, xin liên hệ với Đơn vị qua ông Phạm Văn Tuấn, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục theo số điện thoại di động: 0934388458.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGH (để theo dõi, chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐBCL₍₀₁₎.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

NHÂN SỰ TẠI ĐƠN VỊ CHUYÊN TRÁCH VỀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chức vụ	Điện thoại	Email	Số thẻ KĐV/ chứng chỉ BD NVKĐV	Ghi chú
1	Phạm Văn Tuấn	1975	GVC.TS	Trưởng	0934388458	phamvantuan@humg.edu.vn		
2	Nguyễn Thị Lan Hương	1979	GVC.ThS	Phó	0904291279	nguyenthilanhuong@humg.edu.vn		
3	Ngô Thái Vinh	1978	CV.ThS	CV	0983366597	ngothaivinh@humg.edu.vn		
4	Dương Mai Yến	1973	CV.KS	CV	0906150798	duongmaiyeen@humg.edu.vn		
5	Trần Văn Hiệp	1980	CV.ThS	CV	0933668409	tranvanhiep@humg.edu.vn		
6	Dương Hồng Đài	1979	CV.ThS	CV	0975884078	duongthihongdai@humg.edu.vn		
7	Tạ Thị Toán	1977	GV.ThS	GV	0988615128	tathitoan@humg.edu.vn		50%
8	Phạm Trường Sinh	1978	GV.KS	GV	0983115008	phamtruongsinh@humg.edu.vn		50%
9	Lê Thị Ngọc Tú	1987	GV.ThS	GV	0972410720	lethingoctu@humg.edu.vn		50%
10	Nguyễn Trung Thành	1981	GV.ThS	GV	0912906027	nguyentrungthanh@humg.edu.vn		50%
11								

(Lưu ý: Đối với trường chưa có đơn vị chuyên trách, liệt kê những cá nhân được giao nhiệm vụ phụ trách công tác bảo đảm chất lượng trong nhà trường với đầy đủ các thông tin như trên)

Đổi Tên file đúng: Mã CSGD-NhanSu.xsl

NGƯỜI LẬP BIỂU



TS. Phạm Văn Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

**THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN
CỦA ĐỘI NGŨ CHUYÊN TRÁCH VỀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

1. Tham dự khóa tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá

TT	Tên khóa đào tạo /bồi dưỡng	Đơn vị tổ chức	Thời gian tổ chức (ngày tháng năm)	Số người tham dự	Ghi chú
1	Tập huấn ĐBCL tại Đồ Sơn, Hải Phòng (Bộ công cụ ĐBCL: thu thập thông tin phản hồi)	Cục KT&KĐCLGD	01-12-11	2	
2	Tập huấn ĐBCL tại Trường ĐH Vinh, Nghệ An (Hệ thống ĐBCL bên trong)	Cục KT&KĐCLGD	01-03-12	2	
3	Tập huấn TĐG CSGD (Đại học Đà Nẵng)	Cục KT&KĐCLGD	01-11-14	3	
4	Tập huấn TĐG CSGD	Viện ĐBCLGD - Đại học Quốc gia Hà Nội	01-03-16	1	
5	Tập huấn TĐG CTĐT AUN-QA	Viện ĐBCLGD - Đại học Quốc gia Hà Nội	01-03-16	1	
6	Tập huấn TĐG CTĐT	Viện ĐBCLGD - Đại học Quốc gia Hà Nội	2017	1	
7	Tập huấn TĐG CTĐT AUN-QA	AUN, Thailand	2018	1	
8	Tập huấn TĐG CTĐT	Viện ĐBCLGD - Đại học Quốc gia Hà Nội	2018	5	
9	Tập huấn nâng cao năng lực ĐBCL CTĐT	Trung tâm KĐCLGD - Đại học Quốc gia Hà Nội	20 - 22/5/2019	61	

2. Tham dự khóa tập huấn về nghiệp vụ đánh giá ngoài

TT	Tên khóa đào tạo /bồi dưỡng	Đơn vị tổ chức	Thời gian tổ chức (ngày tháng năm)	Số người tham dự	Ghi chú
1	Đào tạo Kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội (Trung tâm KĐCLGD)	1 - 25/10/2017	3	Phạm Văn Tuấn Lê Hồng Anh Đur Thi Xuân Thảo
2	Đào tạo Kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội (Trung tâm KĐCLGD)	29/3 - 26/4/2019	2	Bùi Xuân Nam Triệu Hùng Trường



3	Đào tạo Kiểm định viên KĐCLGD đại học và trung cấp chuyên nghiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội (Trung tâm KĐCLGD)	7/6 - 5/7/2019	1	Nguyễn Thị Lan Hương

3. Các lớp đào tạo và bồi dưỡng khác (nếu có)

TT	Tên khóa đào tạo /bồi dưỡng	Đơn vị tổ chức	Thời gian tổ chức (ngày tháng năm)	Số người tham dự	Ghi chú
1	Tập huấn "Nâng cao năng lực quản trị đại học đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ GDĐT"	Trung tâm KĐCLGD - Đại học Quốc gia Hà Nội	6 - 8/12/2018	7	Phạm Văn Tuấn Đur Thị Xuân Thảo Lê Hồng Anh Trần Xuân Trường Nguyễn Thế Vinh Nguyễn Anh Dũng Cộng Tiến Dũng
2	Hội nghị tập huấn "Đánh giá ngoài chương trình đào tạo thạc sĩ theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo"	Trung tâm KĐCLGD - Đại học Quốc gia Hà Nội	17-10-20	2	Phạm Văn Tuấn Nguyễn Thị Lan Hương
3					

Đổi Tên file đúng: Mã CSGD-NghiepVu.xsl

NGƯỜI LẬP BIỂU

TS. Phạm Văn Tuấn



GS.TS Trần Thanh Hải

THỐNG KÊ DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Tên CTĐT	Mã ngành (nếu có)	Trình độ đào tạo (TS/ThS/ĐH/CD/TC)	Số quyết định/văn bản cho phép mở ngành	Ngày ban hành quyết định	Số quyết định chuyển đổi tên ngành	Ngày ban hành quyết định chuyển đổi	CTĐT đã hoàn thành TĐG		CTĐT đã ĐGN		CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	
								Thời gian	Kết quả	Thời gian	Kết quả	Thời gian công nhận	Số quyết định công nhận
1	Ngành Kỹ thuật địa chất, trình độ Đại học	7520501	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-19	100	Jul-19	90	14-10-24	414/QĐ-KĐCL
1.1	Kỹ thuật địa chất												
1.2	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật												
1.3	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình												
1.4	Nguyên liệu khoáng												
1.5	Địa chất thăm dò												
2	Ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, trình độ Đại học	7520216	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-19	100	Jul-19	86	14-10-24	413/QĐ-KĐCL
2.1	Tự động hóa												
3	Ngành Quản trị kinh doanh, trình độ Đại học							Apr-19	100	Jul-19	90	14-10-24	415/QĐ-KĐCL
3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018						
3.2	Quản trị kinh doanh dầu khí												
3.3	Quản trị kinh doanh mỏ												
3.4	Quản trị thương mại điện tử												
4	Kế toán	7340301	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-19	100	Jul-19	86	14-10-24	416/QĐ-KĐCL
4.1	Kế toán doanh nghiệp												
4.2	Kế toán tài chính công												
5	Công nghệ thông tin	7480201	ĐH	2001/QĐ-BGDĐT-ĐH	10/05/2002	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-20	100	Sep-20	90		
5.1	Tin học Kinh tế												
5.2	Công nghệ phần mềm												
5.3	Mạng máy tính												
5.4	Khoa học máy tính ứng dụng												
5.5	Hệ thống thông tin												
5.6	Công nghệ thông tin địa học												
6	Kỹ thuật môi trường	7520320	ĐH	741/QĐ - BGDĐT	22/02/2011	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-20	100	Sep-20	88		



6.1	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường												
6.2	Kỹ thuật môi trường												
7	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7520503	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-20	100	Sep-20	92		
7.1	Trắc địa												
7.2	Trắc địa mô - công trình												
7.3	Địa chính												
7.4	Bản đồ												
7.5	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý												
7.6	Trắc địa - bản đồ												
8	Kỹ thuật Mỏ	7520601	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-20	100	Sep-20	92		
8.1	Khai thác mỏ lộ thiên												
8.2	Khai thác mỏ hầm lò												
9	Kỹ thuật Dầu khí	7520604	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-20	100	Sep-20	92		
9.1	Khoan khai thác												
9.2	Khoan thăm dò - khảo sát												
9.3	Thiết bị dầu khí												
9.4	Địa chất dầu khí												
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	7520607	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018						
10.1	Tuyển Khoáng và Tuyển - Luyện quặng kim loại							Apr-20	100	Sep-20	92		
11	Kỹ thuật xây dựng	7580201	ĐH	479/QĐ - BGDĐT	26/01/2011	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018	Apr-20	100	Sep-20	88		
11.1	Xây dựng công trình ngầm và mỏ												
11.2	Xây dựng dân dụng và công nghiệp												
11.3	Xây dựng hạ tầng cơ sở												
11.4	Xây dựng công trình ngầm												
12	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	ĐH	479/QĐ- BGDĐT	26/01/2011	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018						
13	Kỹ thuật cơ khí	7520103	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018						
13.1	Máy và thiết bị mỏ												
13.2	Máy và tự động thủy khí												
13.3	Công nghệ chế tạo máy												
13.4	Cơ khí ô tô												
14	Kỹ thuật điện	7520201	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018						
14.1	Điện công nghiệp												
14.2	Hệ thống điện												
14.3	Điện - Điện tử												
14.4	Điện khí hóa mỏ												
15	Kỹ thuật Địa vật lý	7520502	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018						
15.1	Địa vật lý												

16	Kỹ thuật hóa học (Chương trình tiên tiến)	7520301	ĐH	7853/QĐ- BGDĐT	29/10/2009														
16.1	Lọc - Hóa dầu																		
17	Quản lý đất đai	7850103	ĐH	132/ QĐ - BGDĐT	14/01/2015	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018												
17.1	Quản lý đất đai																		
18	Địa tin học	7480206	ĐH	1123/QĐ-BGDĐT	24/04/2019														
18.1	Địa tin học																		
19	Địa kỹ thuật xây dựng	7580211	ĐH	2955/QĐ - BGDĐT	15/08/2018														
19.1	Địa kỹ thuật xây dựng																		
20	Tài chính ngân hàng	7340201	ĐH	2955/QĐ - BGDĐT	15/08/2018														
20.1	Tài chính doanh nghiệp																		
21	Địa chất học	7440201	ĐH	147/CP	08/08/1966	937/QĐ-BGDĐT	14/03/2018												
21.1	Địa chất học																		
21.2	Địa chất đô thị																		
22	Kỹ thuật địa chất	8520501	ThS	2556/QĐ-SĐH	10-05-91	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
23	Địa chất học	8440201	ThS	3208/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	16/6/2004	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
24	Khoáng vật học và địa hóa học	8440205	ThS	3208/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	16/6/2004	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
25	Khai thác mỏ	8520603	ThS	2556/QĐ-SĐH	10-05-91	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
26	Kỹ thuật tuyển khoáng	8520607	ThS	193023/GD-ĐT	29/9/1997	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
27	Kỹ thuật điện	8520201	ThS	2302/GDĐT	19/8/1994	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
28	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8520216	ThS	1375/QĐ-BGD&ĐT/SĐH	26/3/2003	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
29	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	ThS	1250/GDĐT	13/5/1993	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
30	Kỹ thuật cơ khí	8520103	ThS	2159/QĐ-BGDĐT	06-08-18														
31	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	8580204	ThS	1100/GDĐT	04-02-97	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
32	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	8520503	ThS	2556/QĐ-SĐH	10-05-91	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
33	Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý	8440214	ThS	41/QĐ-BGD&ĐT/SĐH	01-06-99	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
34	Kỹ thuật địa vật lý	8520502	ThS	2556/QĐ-SĐH	10-05-91	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
35	Kỹ thuật dầu khí	8520604	ThS	3023/GD-ĐT	29/9/1997	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
36	Kỹ thuật hóa học	8520301	ThS	2712/QĐ-BGDĐT	07-05-10	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
37	Quản lý kinh tế	8310110	ThS	41/QĐ-BGD&ĐT/SĐH	01-06-99	937/QĐ-BGDĐT	14/3/2018												
38	Kỹ thuật môi trường	8520320	ThS	5139/QĐ-BGDĐT	29/11/2018														
39	Quản lý đất đai	8850103	ThS	216/QĐ-BGDĐT	28/01/2019														

40	Địa tin học	Mở thí điểm nên chưa có mã ngành	ThS	1022/QĐ-BGDĐT	20/3/2018									
41	Kỹ thuật địa chất	9520501	TS	2175/QĐ-BGDĐT	18/6/1987	3774/QĐ-BGDĐT	19/9/2012							
42	Địa chất học	9440201	TS	1256/QĐ-BGDĐT	12-07-87	5557/QĐ-BGDĐT	13/12/2012							
43	Khoáng vật học và địa hóa học	9440205	TS	1256/QĐ-BGDĐT	12-07-87	5557/QĐ-BGDĐT	13/12/2012							
44	Kỹ thuật dầu khí	9520604	TS	2175/QĐ-BGDĐT	18/6/1987	5557/QĐ-BGDĐT	13/12/2012							
45	Kỹ thuật địa vật lý	9520502	TS	2175/QĐ-BGDĐT	18/6/1987	5557/QĐ-BGDĐT	13/12/2012							
46	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	TS	2175/QĐ-BGDĐT	18/6/1987	3774/QĐ-BGDĐT	19/9/2012							
47	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	9520503	TS	2175/QĐ-BGDĐT	18/6/1987	3774/QĐ-BGDĐT	19/9/2012							
48	Khai thác mỏ	9520603	TS	2175/QĐ-BGDĐT	18/6/1987	3774/QĐ-BGDĐT	19/9/2012							
49	Kỹ thuật điện	9520201	TS	1256/QĐ-BGDĐT	12-07-87	3774/QĐ-BGDĐT	19/9/2012							
50	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	9580204	TS	2021/SĐH	27/9/1993	3774/QĐ-BGDĐT	19/9/2012							
51	Quản lý kinh tế	9310110	TS	319/QĐ-BGDĐT/SĐH	15/01/2001	3774/QĐ-BGDĐT	19/9/2012							
52	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9520216	TS	2175/QĐ-BGDĐT	18/6/1987	497/QĐ-BGDĐT	02-05-13							
53	Kỹ thuật tuyển khoáng	9520607	TS	2175/QĐ-BGDĐT	18/6/1987	533/QĐ-BGDĐT	22/02/2016							

(Liệt kê lần lượt các CTĐT theo ngành/chuyên ngành và theo trình độ đào tạo từ đại học đến thạc sĩ và tiến sĩ)

Tổng hợp số lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học thực hiện KĐCLGD

TT	Nội dung	Số lượng	Tổng số CTĐT	Tỷ lệ %	Thời gian cập nhật
1	CTĐT đã hoàn thành TĐG	4 7	21	52.4%	2024 2025
2	CTĐT đã ĐGN	4 7	21	52.4%	2024 2025
3	CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	4	21	19.0%	2024

Tổng hợp số lượng các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thực hiện KĐCLGD

TT	Nội dung	Số lượng	Tổng số CTĐT	Tỷ lệ %	Thời gian cập nhật
1	CTĐT đã hoàn thành TĐG	0	19	0.0%	

2	CTĐT đã ĐGN	0	19	0.0%	
3	CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	0	19	0.0%	

Tổng hợp số lượng các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ thực hiện KĐCLGD

TT	Nội dung	Số lượng	Tổng số CTĐT	Tỷ lệ %	Thời gian cập nhật
1	CTĐT đã hoàn thành TĐG	0	13	0.0%	
2	CTĐT đã ĐGN	0	13	0.0%	
3	CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	0	13	0.0%	

Đổi Tên file đúng: Mã CSGD-NghiepVu.xsl

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Văn Tuấn

TS. Phạm Văn Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh Hải

GS.TS Trần Thanh Hải